

Số: **781** /QĐ-ĐLTKV

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;


Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực - TKV được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/4/2021;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-ĐHĐCĐ-2021 ngày 28/4/2021 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành và thay thế cho Quyết định số 232/QĐ-ĐLTKV ngày 26/02/2016 của Tổng công ty.

Điều 3. Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các Trưởng Phòng của Tổng công ty; Giám đốc các đơn vị trực thuộc Tổng công ty; Người đại diện phần vốn Tổng công ty tại các công ty con chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- HDQT, Đảng ủy, BKS (e-copy);
- Như Điều 3 (e-copy);
- Lưu: VT, PCTT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Hùng

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **781** /QĐ-ĐLTKV ngày 28/4/2021
của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực - TKV)*

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Điện lực TKV- CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2021;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-ĐHĐCĐ-2021 ngày 28 tháng 4 năm 2021;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP bao gồm các nội dung sau:

**Chương I:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích từ ngữ:

1. Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (sau đây viết tắt là TKV) là công ty do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, có tư cách pháp nhân, do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập là công ty mẹ của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP.

2. Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (sau đây viết tắt là Tổng công ty) là công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

Tên rút gọn: Tổng công ty Điện lực - TKV.

3. Trong Quy chế này, những từ ngữ, thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

Nhóm công ty mẹ - công ty con Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP là nhóm công ty không có tư cách pháp nhân bao gồm:

- Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP.
- Công ty con của Công ty mẹ Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP.
- Các công ty liên kết của Công ty mẹ Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP.

4. Các khái niệm: “Đơn vị trực thuộc Tổng công ty”; “Công ty con”; “Công ty liên kết”; “Doanh nghiệp trực thuộc” được giải thích tại Điều lệ Tổng công ty.

5. “Đại hội đồng cổ đông” là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty (sau đây viết tắt là ĐHĐCĐ);

6. “Hội đồng quản trị” do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Tổng công ty (sau đây viết tắt là HĐQT);

7. “Tổng giám đốc” do HĐQT bổ nhiệm là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty (sau đây viết tắt là TGD);

8. “Ban Giám đốc” gồm Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc (sau đây viết tắt là PTGD) do HĐQT bổ nhiệm là cơ quan quản lý điều hành công việc sản xuất kinh doanh của Tổng công ty (sau đây viết tắt là BGD);

9. “Ban Kiểm soát” do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao (sau đây viết tắt là BKS).

Điều 2. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của HĐQT quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của HĐQT và các thành viên HĐQT nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho HĐQT, các thành viên HĐQT.

Điều 3. Nguyên tắc làm việc của HĐQT:

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của Tổng công ty.

2. HĐQT giao trách nhiệm cho TGD tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Chương II: THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HĐQT:

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Thành viên HĐQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên HĐQT độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT:

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu TGD, PTGD, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tổng công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 (năm) người do ĐHCĐ bầu và bãi miễn.

2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá (năm) 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên HĐQT độc lập của Tổng công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn

nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu HĐQT:

a. Số thành viên HĐQT độc lập hoặc không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập/ không điều hành được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

b. Cơ cấu HĐQT đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và có xét yếu tố về giới tính.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT:

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2, Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

b. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Tổng công ty. Điều lệ Tổng công ty có thể quy định tiêu chuẩn của thành viên HĐQT nhưng các tiêu chuẩn đó không được vi phạm các quyền cơ bản của cổ đông.

c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Tổng công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

d. Thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của TGD và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

e. Thành viên HĐQT của Tổng công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT của trên năm (05) công ty khác.

2. Thành viên HĐQT độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;

c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;

d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

đ. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty.

3. Thành viên HĐQT độc lập phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên HĐQT độc lập kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên HĐQT độc lập không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên HĐQT độc lập trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên HĐQT độc lập có liên quan.

Điều 8. Chủ tịch HĐQT:

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT không được kiêm chức TGD Tổng công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT được quy định tại Khoản 3 Điều 29 Điều lệ Tổng công ty, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau:

a. Chuẩn bị nội dung, chương trình và điều kiện các phiên họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.

b. Tổ chức thông qua quyết định của HĐQT dưới các hình thức khác.

c. Chỉ đạo quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT.

d. Lập chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cho các thành viên khác trong HĐQT thực hiện việc quản trị hoạt động của Tổng công ty.

e. Ký các văn bản nhân danh ĐHĐCĐ và HĐQT.

f. Chủ tịch HĐQT phụ trách quản lý chung hoạt động của HĐQT và trực tiếp phụ trách một hoặc một số mặt công tác để giải quyết những công việc khác đã được HĐQT giao quyền (theo phân công nhiệm vụ) hoặc được Điều lệ Tổng công ty và pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT.

g. Chủ tịch HĐQT có thể uỷ quyền bằng văn bản cho một trong số các thành viên khác trong HĐQT đảm nhiệm một hay một số công việc của mình.

h. Chủ tịch HĐQT có quyền trực tiếp gặp gỡ, trao đổi và nhận thông tin, tài liệu từ các cán bộ quản lý, hoặc nhân viên về hoạt động của Tổng công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT:

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm và bãi nhiệm Thành viên HĐQT trong các trường hợp sau đây:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT nữa theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm làm thành viên HĐQT;
- b. Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty;
- c. Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- d. Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự cho phép của HĐQT và HĐQT đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Bị bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- f. Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
- g. Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Tổng công ty nữa;
- h. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- i. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Tổng công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;
- j. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b. Số lượng thành viên HĐQT độc lập giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp;
- c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT:

1. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Tổng công ty quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

3. Cách thức bầu:

a. Việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

b. Trường hợp bầu lần thứ nhất không đủ số lượng thành viên HĐQT theo quy định thì phải tiến hành bầu tiếp lần hai trong số những người đã được đề cử của lần thứ nhất còn lại. Trường hợp khi bầu lần thứ hai vẫn chưa đủ số lượng quy định thì ĐHĐCĐ quyết định có bầu tiếp hay không, nếu ĐHĐCĐ không quyết định được thì Chủ tọa Đại hội quyết định.

c. Những người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

d. Tổng công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên HĐQT theo phương thức dồn phiếu.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT:

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;

- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm chức danh HĐQT của công ty khác);
- đ. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Tổng công ty;
- e. Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
- g. Họ, tên của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h. Các thông tin khác nếu có theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

2. Kết quả việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải được thông báo theo phương thức công bố thông tin trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi xảy ra sự kiện theo quy định của Luật Chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Việc thông báo được thực hiện trên trang thông tin điện tử www.dienluctkv.vn của Tổng công ty, hoặc trên các ấn phẩm của Tổng công ty đồng thời phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

Điều 12. Phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT:

1. Chủ tịch HĐQT phân công, uỷ quyền cho từng thành viên HĐQT trực tiếp theo dõi, phụ trách một hoặc một số mặt công tác của Tổng công ty. Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của các thành viên HĐQT về các mặt công tác được quy định trong các văn bản thuộc từng lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty. Trường hợp các nội dung công việc chưa được quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn xử lý, thì thành viên HĐQT được phân công trực tiếp phụ trách có trách nhiệm phản ánh với Chủ tịch HĐQT để thống nhất hướng giải quyết.

2. Chủ tịch HĐQT trực tiếp phụ trách một số mặt công tác không phân công cho các thành viên khác của HĐQT.

Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT:

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc về ĐHCĐ.

2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng công ty và quyết định của ĐHCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHCĐ thông qua;

- b. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
- c. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- d. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- e. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
- f. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- g. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- i. Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch được ký giữa Tổng công ty và những đối tượng quy định tại khoản 1, Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
- j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác của Tổng công ty hoặc chi nhánh của Tổng công ty thực hiện có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Tổng công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- k. Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
- l. Quyết định đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;
- m. Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần, chuyển nhượng cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

n. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với TGD và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia HĐQT hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành Tổng công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).

o. Giám sát, chỉ đạo TGD và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty;

p. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

q. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến đề ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;

r. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

s. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

t. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

u. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

v. Được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty (nếu có)

w. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được HĐQT phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tổng công ty; thành lập các Công ty con của Tổng công ty (nếu có);

b. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của Tổng công ty.

c. Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Tổng công ty;

d. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng công ty;

đ. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc vượt quá giá trị kế hoạch; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

e. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Tổng công ty quy định tại điểm d Khoản 2 Điều này tại những công ty khác;

g. Việc định giá các tài sản góp vào Tổng công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h. Việc Tổng công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại của Tổng công ty, bao gồm cả mức giá mua hoặc thu hồi;

i. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận của các thành viên HĐQT trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k. Quyết định mức giá mua lại, thu hồi cổ phần hoặc giá bán cổ phần của Tổng công ty.

4. HĐQT phải báo cáo ĐHCĐ về hoạt động của mình theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán..

5. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý, điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.

6. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

7. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và quyết định của ĐHCĐ. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên HĐQT chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 (một) năm có quyền yêu cầu HĐQT đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch:

1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty quy định một thời hạn khác; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 15. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;

b. Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của BKS;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty

2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập hoặc thành viên BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ. Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;

e. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;

h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 16. Các tiểu ban giúp việc HĐQT:

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là ba (03) người, bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài (Các thành viên HĐQT độc lập/ thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT). Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

Điều 17. Chương trình hoạt động của HĐQT:

1. Chương trình hoạt động của HĐQT được xây dựng theo hằng tháng hoặc theo các kỳ họp HĐQT và hằng năm theo Điều lệ, nghị quyết ĐHĐCĐ và yêu cầu công tác của Tổng công ty.

2. Căn cứ vào nghị quyết, chương trình công tác của HĐQT và nhiệm vụ cụ thể được phân công, mỗi thành viên HĐQT phải có kế hoạch và biện pháp thực hiện các nhiệm vụ được phân công.

Điều 18. Các cuộc họp của HĐQT:

1. Các cuộc họp của HĐQT thực hiện theo Điều 30 Điều lệ Tổng công ty. HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý họp một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Thủ tục các cuộc họp tuân theo Điều lệ Tổng công ty.

2. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản và được tính như trực tiếp tham dự họp. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

3. Chủ tọa phiên họp HĐQT trình bày Báo cáo của Chủ tịch HĐQT, trong đó nêu rõ và đánh giá kết quả thực hiện các nội dung Nghị quyết của ĐHDCĐ, HĐQT và các công việc khác do Chủ tịch HĐQT giải quyết giữa hai phiên họp HĐQT; đồng thời trình ra phiên họp các nội dung công việc để HĐQT xem xét, quyết định. Các thành viên HĐQT dự họp báo cáo nội dung công việc được phân công và tham gia thảo luận biểu quyết các vấn đề do Chủ tịch HĐQT trình ra phiên họp. HĐQT thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết bỏ phiếu kín hoặc giơ tay. Báo cáo của Chủ tịch HĐQT được thực hiện theo Mẫu số 01/HĐQT-ĐLTKV ban hành kèm theo Quy chế này.

4. Thành viên HĐQT, nếu theo sự hiểu biết của mình, thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến ký kết với Tổng công ty, phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT. Tại đây, HĐQT sẽ xem xét việc có ký kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp HĐQT đầu tiên sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

5. Căn cứ vào biên bản họp HĐQT, Thư ký Tổng công ty soạn thảo Nghị quyết phiên họp (một Nghị quyết chung hoặc các Nghị quyết về từng vấn đề) để Chủ tịch hoặc một thành viên HĐQT được phân công ký gửi cho các thành viên HĐQT, TGD, BKS và các đối tượng liên quan để thực hiện, giám sát; đồng thời lưu giữ tại Bộ phận Thư ký giúp việc cho HĐQT và Văn phòng Tổng công ty. Biên bản họp HĐQT được thực hiện theo Mẫu số 02/HĐQT-ĐLTKV ban hành kèm theo Quy chế này.

6. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên HĐQT được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Điều 19. Lấy ý kiến thành viên HĐQT:

1. Việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT được thực hiện trong thời gian giữa hai phiên họp của HĐQT để thông qua quyết định về một, hoặc một số vấn đề thuộc phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng Phiếu lấy ý kiến. Thời hạn chậm nhất để trả lời Phiếu lấy ý kiến là 07 ngày, nếu trong Phiếu lấy ý kiến không có quy định khác. Phiếu lấy ý kiến các thành viên HĐQT được thực hiện theo Mẫu số 03/HĐQT-ĐLTKV ban hành kèm theo Quy chế này và được quản lý, lưu giữ như Biên bản họp HĐQT.

3. Kết quả lấy ý kiến thành viên HĐQT được Thư ký Tổng công ty tổng hợp thành Biên bản tổng hợp ý kiến của các thành viên HĐQT và Nghị quyết HĐQT. Biên bản tổng hợp ý kiến thành viên HĐQT được thực hiện theo Mẫu số 04/HĐQT-ĐLTKV ban hành kèm theo Quy chế này.

4. Quyết định được thông qua HĐQT theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như một quyết định được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

b) Số lượng thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp HĐQT, theo khoản 2 Điều 18 Quy chế này.

Điều 20. Biên bản họp HĐQT:

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

f) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

g) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

h) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 21. Chế độ hội họp và đi công tác:

1. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm tham gia các cuộc họp của các cơ quan, đơn vị theo giấy mời HĐQT hoặc mời đích danh Chủ tịch HĐQT. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT không thể tham dự được, thì ủy quyền người khác đi họp thay, trừ trường hợp cơ quan mời họp không chấp nhận người thay thế.

2. Thành viên HĐQT đi công tác trong và ngoài Tổng công ty phải có chương trình cụ thể, được Chủ tịch HĐQT thông qua. Tùy theo tính chất và nội dung công việc, Chủ tịch HĐQT có thể yêu cầu cán bộ, nhân viên Tổng công ty có liên quan cùng tham gia.

3. Chủ tịch HĐQT thông báo cho TGD biết thời gian và địa điểm đi công tác để TGD liên hệ công việc.

Điều 22. Bộ máy giúp việc HĐQT:

1. HĐQT sử dụng Bộ máy quản lý, điều hành và con dấu của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

2. HĐQT phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.

3. Người phụ trách quản trị Tổng công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;
- c) Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Tổng công ty; có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học và các thiết bị văn phòng;
- d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ này và quyết định của HĐQT.

4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS;

g) Giám sát và báo cáo HĐQT, BKS về hoạt động công bố thông tin của Tổng công ty;

h) Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty;

i) Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty và/ hoặc theo quyết định của HĐQT;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Chương IV: BÁO CÁO, CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 23. Trình báo cáo hằng năm:

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:

a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;

b. Báo cáo tài chính;

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;

d. Báo cáo thẩm định của BKS.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến BKS để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của BKS và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ Tổng công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 24. Điều kiện làm việc, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT:

1. Điều kiện làm việc: Phòng làm việc của Chủ tịch và các thành viên HĐQT được đặt tại trụ sở của Tổng công ty. Điều kiện, phương tiện làm việc, chi phí hoạt động, văn phòng phẩm phục vụ hoạt động của các thành viên HĐQT được áp dụng theo quy định chung của Tổng công ty.

2. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

3. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

4. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty và phải báo cáo ĐHCĐ tại cuộc họp thường niên.

5. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

6. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

7. Thành viên HĐQT có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 25. Công khai các lợi ích liên quan:

Trường hợp Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên HĐQT của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc,

từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

Chương V **MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 26. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 27. Mối quan hệ với Ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 28. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.


2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 29. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung khác về chế độ làm việc của HĐQT, nếu chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ và các văn bản khác của Tổng công ty.

2. Các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty và bộ máy quản lý, điều hành Tổng công ty có trách nhiệm thi hành Quy chế này. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty quyết định.

3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP bao gồm 06 chương, 29 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 4 năm 2021. / 

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Hùng

Mẫu số 01/HĐQT-ĐLTKV

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-ĐLTKV

Hà Nội, ngày tháng năm

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số ngày ;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty được Đại hội đồng
cổ đông thông qua ngày.../.../20....;

Căn cứ đề nghị của tại ;

Sau khi tham khảo ý kiến của ,

BÁO CÁO:

1.
2.
3.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT,

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

.....
(Ghi họ tên)

Tài liệu kèm theo:

Mẫu số 02/HĐQT-ĐLTKV

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BB-ĐLTKV

Hà Nội, ngày tháng năm

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

- Thời gian & Địa điểm họp: Ngày .../.../....., tại
- Hình thức họp: Họp thảo luận.
- Thành phần:
 1. Ông - Chủ tịch HĐQT: Chủ trì;
 2. Ông
 3. Ông
 4. Ông
 5. ÔngMời ông - Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty dự họp.
Người ghi biên bản: Ông - Thư ký HĐQT.

NỘI DUNG:

1. Thông qua

.....
.....

Kết quả biểu quyết: .../.... thành viên HĐQT tán thành; .../.... thành viên
HĐQT không tán thành.

Ý kiến khác:

2. Thông qua

.....
.....

Biên bản này đã được các thành viên HĐQT biểu quyết nhất trí thông qua./.

CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

CHỦ TỊCH HĐQT

(Ghi họ tên)

.....
(Ghi họ tên)

(Ghi họ tên)

(Ghi họ tên)

(Ghi họ tên)

THƯ KÝ
(Ghi họ tên)

Mẫu số 03/HĐQT-ĐLTKV

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /NQ-ĐLTKV

Hà Nội, ngày tháng năm 20 ...

**NGHỊ QUYẾT HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (Tổng công ty) đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP thông qua ngày .../.../....;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP, số/BB-ĐLTKV ngày .../.../...., (hoặc Biên bản tổng hợp ý kiến của các thành viên HĐQT Tổng công ty số/BB-ĐLTKV ngày .../.../....),

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua theo Tờ trình số/TTr-ĐLTKV ngày .../.../....:

1.1. HĐQT thông qua

-

1.2.

Điều 2. Các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng, các Trưởng phòng liên quan của Tổng công ty, chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này./.

CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ghi họ tên)

(Ghi họ tên)

(Ghi họ tên)

(Ghi họ tên)

.....
(Ghi họ tên)

THƯ KÝ

(Ghi họ tên)

Nơi nhận:

- Như Điều 2 (e-copy);
- Lưu: VT, T.ký HĐQT.

Mẫu số 04/HĐQT-ĐLTKV

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20 ...

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HĐQT
BẰNG VĂN BẢN**

Kính gửi: Ông/ Bà - Chủ tịch/ Thành viên HĐQT

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua ngày .../.../...;

Căn cứ Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-ĐLTKV ngày .../.../... của HĐQT Tổng công ty;

Văn phòng HĐQT Tổng công ty trân trọng gửi ông/ bà xem xét, cho ý kiến về nội dung trình HĐQT Tổng công ty như sau:

1. Nội dung lấy ý kiến:

1.1. Thông qua

1.2.

.....

.....

2. Ý kiến biểu quyết của thành viên HĐQT:

Về các nội dung xin ý kiến được nêu tại mục 1 của Phiếu lấy ý kiến này:

Tán thành

Không tán thành

Ý kiến khác:

.....
.....

CHỦ TỊCH/ THÀNH VIÊN HĐQT

.....
(Ghi họ tên)

Đề nghị ông nghiên cứu, cho ý kiến và gửi Phiếu lấy ý kiến này về Thư ký HĐQT Tổng công ty để tổng hợp báo cáo Chủ tịch HĐQT bằng cách chuyên trực tiếp, qua đường Fax hoặc gửi bản Scan qua Email đến địa chỉ:@vinacominpower.vn (nếu gửi qua Fax hoặc gửi bản Scan qua Email thì sau đó gửi bản in có chữ ký mực về Thư ký HĐQT Tổng công ty).

Đề nghị ông xác nhận cho Thư ký HĐQT Tổng công ty qua địa chỉ:@vinacominpower.vn về việc đã nhận được Phiếu lấy ý kiến này và các File/ tài liệu kèm theo. Trường hợp đã nhận được Phiếu lấy ý kiến này nhưng không có ý kiến phản hồi gửi về Thư ký HĐQT Tổng công ty thì được coi như ông đã đồng ý với nội dung cần biểu quyết nêu trên và không có khiếu nại gì về các quyết định được thông qua có liên quan./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: T.ký HĐQT.

**TL. CHỦ TỊCH HĐQT
THƯ KÝ**

.....
(Ghi họ tên)

Mẫu số 05/HĐQT-ĐLTKV

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:..... /BB-ĐLTKV

Hà Nội, ngày tháng năm 20 ...

**BIÊN BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN CỦA
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

A. CÁC NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN:

1. Nội dung 1: Thông qua và trình phê duyệt (Tờ trình số/TTr-ĐLTKV ngày của Tổng giám đốc Tổng công ty).
2. Nội dung 2: Đồng ý báo cáo Tập đoàn xem xét, cho phép Tổng công ty được thực hiện (Tờ trình số/TTr-ĐLTKV ngày của Tổng giám đốc Tổng công ty).
3.

B. PHẦN TỔNG HỢP Ý KIẾN:

Chủ đề	Tán thành	Không tán thành	Ý kiến khác
Nội dung 1	5/5 (100%)	0	0
Nội dung 2	3/5 (60%)	0
Nội dung 3	0

Nơi nhận:

- Chủ tịch HĐQT (để b/cáo);
- Lưu: VT, T.ký HĐQT.

**TL. CHỦ TỊCH HĐQT
THỦ KÝ**

.....
(Ghi họ tên)